BÀI 4: ÚT TIN (tiết 15 – 20, SHS, tr.21 – 25)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc*; biết liên hệ bản thân: *tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu*.

3. Nhìn – viết đúng đoạn thơ; làm quen với tên gọi của một số chữ cái; phân biệt *g/gh*.

4. Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ có tiếng *sách, học*); đặt được câu với từ ngữ tìm được.

5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Thử tài* theo tranh và câu gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.

6. Lập được thời gian biểu một buổi trong ngày.

7. Chia sẻ được một bài đã đọc về trẻ em.

8. Trang trí được thời gian biểu và nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Bài viết đoạn từ *Quanh hai tai* đến *trong mắt em* để hướng dẫn HS luyện đọc.

– Bài viết chính tả để HS nhìn – viết.

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Thử tài* (nếu có).

– Thẻ từ ghi sẵn các chữ cái, tên các chữ cái ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi. Bảng tên chữ cái hoàn thiện.

– HS mang tới lớp bài đọc đã đọc.

– HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để trang trí thời gian biểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những điểm đáng yêu ở một người bạn (có thể chọn bạn cùng lớp hoặc bạn ở nhà).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,…

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Út Tin*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin sau khi cắt tóc. Hai câu cuối giọng vui, tự hào vì Út Tin đã lớn hơn.).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xén, lém lỉnh, trêu,…;* hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Tôi thấy như/ có trăm vì sao bé tí/ cùng trốn trong mắt em. //; Hai má phúng phính/ bỗng thành cái bánh sữa/ có rắc thêm mấy hạt mè. //;…*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *vệt* (hình dài nổi rõ trên bề mặt một vật, do tác động của một vật khác đi qua,…), *dô* (lồi cao lên hoặc nhô ra phía trước quá mức bình thường), *lém lỉnh* (tỏ ra tinh khôn), *hếch* (chếch lên phía trên), *hệt* (giống đến mức trông không khác một chút nào), *phúng phính* (béo, căng tròn (thường dùng gợi tả mặt, má của trẻ em)), *bẹo* (véo),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc.*

– HS liên hệ bản thân: *cần tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Quanh hai tai* đến *trong mắt em.*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Quanh hai tai* đến *trong mắt em.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nhìn – viết

– HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *gặt hái, ước mong,...*

Chân trời sáng tạo

– HS nhìn viết từng dòng thơ vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Làm quen với tên gọi một số chữ cái

– HS đọc yêu cầu BT và bảng tên chữ cái tr.22 SHS.

– HS tìm chữ cái phù hợp với tên trong nhóm nhỏ.

– HS chơi trò ***Tiếp sức*** ghép thẻ từ ghi chữ cái phù hợp với thẻ từ ghi tên chữ cái.

– HS đọc lại bảng tên chữ cái đã hoàn thành.

– HS học thuộc bảng chữ cái.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt g/gh

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS quan sát tranh, thực hiện BT vào VBT.

– HS nêu kết quả và nói thời gian bạn nữ làm mỗi việc trong ngày.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

– HS viết vào VBT một câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

THỬ TÀI

1. Ngày xưa có một cậu bé rất thông minh. Nhà vua muốn thử tài, bèn cho gọi cậu đến, bảo:

– Ngươi hãy về lấy tro bếp bện cho ta một sợi dây thừng. Nếu làm được, ta sẽ thưởng.

2. Cậu bé về nhờ mẹ chặt cây tre trong vườn, chẻ nhỏ rồi bện thành một sợi dây thừng. Bện xong, cậu cuộn tròn sợi dây, đặt trên chiếc mâm đồng, phơi cho khô rồi đốt thành tro. Khi lửa tắt, đám tro hiện rõ hình cuộn dây. Cậu đem dâng vua.

3. Vua mừng lắm nhưng vẫn muốn thử tài lần nữa. Lần này, vua đưa cho cậu bé chiếc sừng trâu cong như vòng thúng, bảo:

– Ngươi hãy nắn thẳng chiếc sừng này cho ta. Nếu được, ta sẽ thưởng to.

4. Cậu bé về nhà, bỏ sừng trâu vào cái chảo lớn, đổ đầy nước rồi ninh kĩ. Sừng trâu mềm ra và dễ uốn. Cậu lấy đoạn tre vót nhọn thọc vào sừng trâu rồi đem phơi khô. Khi rút đoạn tre, chiếc sừng trâu đã được uốn thẳng. Thấy cậu bé thực sự thông minh, nhà vua bèn thưởng rất hậu và đưa cậu vào trường học để nuôi dạy thành tài.

Theo Truyện cổ dân tộc Dao

5.1. Nghe GV kể chuyện Thử tài

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

– HS quan sát tranh và câu gợi ý để kể lại từng đoạn, 2 đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Viết thời gian biểu

6.1. Phân tích mẫu

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc lại bài *Thời gian biểu* và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nhận xét về cách bạn Đình Anh trình bày thời gian biểu.

6.2. Viết thời gian biểu

– HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói với bạn những việc em làm của một buổi trong ngày và thời gian làm mỗi việc.

– HS viết thời gian biểu một buổi trong ngày.

– Một vài HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đã đọc về trẻ em

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả, thông tin em biết,…

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tác giả, thông tin em biết.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Họa sĩ nhí.*

2.1. Trang trí thời gian biểu

– HS xác định yêu cầu của BT 2a.

– HS trang trí thời gian biểu một buổi trong ngày và chia sẻ với bạn cách trang trí của em.

– HS nghe bạn và GV nhận xét về cách trang trí thời gian biểu.

2.2. Nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS trao đổi trong nhóm đôi.

– HS nghe bạn nhận xét.